SỞ Y TẾ NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẢI HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2462/QĐ-BVHH

Hải Hậu, ngày 16 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026 (Lần 8)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẢI HẬU

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Luật số: 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 104/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 quy định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điều 40 luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu;

Căn cứ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn thu hoạt động khác của Bệnh viện;

Căn cứ dự trù của các khoa lâm sàng;

Căn cứ Quyết định 2429/QĐ-BVHH ngày 11/09/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026 (Lần 8);

Căn cứ Quyết định số 2434/QĐ-BVHH ngày 14/09/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026 (Lần 8);

Theo đề nghị của Khoa Dược tại Tờ trình số 155/TTr-KD ngày 14/09/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026 (Lần 8),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026 (Lần 8), với nội dung chi tiết theo phụ lục số 01, phụ lục số 02 đính kèm.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Khoa Dược và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, HSMS.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẢI HẬU

Hoàng Văn Chiến

PHỤ LỤC SỐ 01
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026 (Lần 8).

(Kèm theo Quyết định số 2462/QĐ-BVHH ngày 16 tháng 09 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VND)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa Hải Hậu	Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026 (Lần 8)	Cung cấp thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Hải Hậu năm 2026 (Lần 8)	**1.896.833.000**	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn thu hoạt động khác của Bệnh viện	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		60 ngày	Qúy III năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
		Tổng giá gói thầu: 1.896.833.000 đồng										

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, tám trăm chín mươi sáu triêu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng./.

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC

(Kèm theo Quyết định số 2462/QĐ-BVHH ngày 16 tháng 09 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hải Hậu)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ	Đường dùng	Dạng bào chế	CSSX	Nước SX	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Acyclovir Stella 800mg	Acyclovir	800mg	Uống	Viên nén	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 5 viên	893110059500	Viên	4.000	3.000	12.000.000
2	AMLODIPINE STELLA 5 MG	Amlodipine	5mg	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110390023 (VD-30106-18)	Viên	349	10.000	3.490.000
3	Aspirin STELLA 81 mg	Aspirin (Acetylsalicylic acid)	81mg	Uống	viên nén bao phim tan trong ruột	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 28 viên	893110337023	Viên	382	6.500	2.483.000
4	Atoris 10mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci 10,36mg)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-18272-14	Viên	818	50.000	40.900.000
5	Atoris 20mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	20mg	Uống	Viên nén bao phim	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	383110406623 (VN-18881-15)	Viên	1.214	50.000	60.700.000
6	Basaglar	Insulin glargine	300U/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lilly France	Pháp	Hộp 05 bút tiêm x 3ml (15 kim kèm theo)	300410180200	Bút tiêm	247.000	100	24.700.000

7	Chiamin-A 5% Solution for Infusion	Mỗi chai 500ml chứa: L-Isoleucine 1250mg; L-Leucine 1850mg; L-Methionine 1075mg; L-Lysine HCl (tương đương L-Lysine 1650mg) 2065mg; L-Phenylalanine 1275mg; L-Threonine 1100mg; L-Tryptophan 500mg; L-Valine 1550mg; L-Arginine HCl (tương đương L-Arginine 3000mg) 3630mg; Glycine 2750mg; L-Alanine 3500mg; L-Proline 2800mg; L-Histidine 750mg; L-Serine 1625mg; L-Tyrosine 100mg; Taurine 250mg	(1250mg + 1850mg + 1075mg + 2065mg + 1275mg + 1100mg + 500mg + 1550mg + 3630mg + 2750mg + 3500mg + 2800mg + 750mg + 1625mg + 100mg + 250mg) / 500ml (tương đương acid amin 5% / 500ml)	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd	Taiwan	Chai 500ml. Thùng 12 chai	471110436923	Chai	106.890	600	64.134.000
8	Cholina	Choline alfoscerate	400mg	Uống	Viên nang mềm	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110562324	Viên	12.000	3.000	36.000.000
9	Denk-air junior 4 mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri 4,2mg)	4mg	Uống	Viên nhai	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Đức	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-22771-21	Viên	4.190	40.000	167.600.000
10	Devodil 50	Sulpirid	50 mg	Uống	Viên nén	Remedica Ltd.	Cyprus	hộp 2 vỉ x 10 viên	529110024623	Viên	2.590	5.000	12.950.000
11	Ferrovin	Iron Hydroxide sucrose complex tương đương với Iron (III)	100mg /5ml	Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Rafarm SA	Greece	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 5ml	VN-18143-14	Ống	94.000	2.000	188.000.000
12	FLEXSA 1500	Glucosamin sulfat 2KCl tương đương Glucosamin sulfat	1500mg	Uống	Thuốc bột uống	Mega Lifesciences (Australia) Pty.,Ltd	Australia	Hộp 30 gói x 3,7gam	930100173400	Gói	8.500	10.000	85.000.000
13	Furosemide STELLA 40 mg	Furosemid	40mg	Uống	viên nén	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110462424	Viên	500	5.000	2.500.000

14	Humalog Kwikpen	Insulin lispro	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Eli Lilly Italia S.p.A	Ý	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	800410090423	Bút tiêm	198.000	40	7.920.000
15	Humulin 30/70 Kwikpen	Insulin người trộn, hỗn hợp	100IU/ml x 3ml (30/70)	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lilly France	France	Hộp 5 bút tiêm x 3ml, bút tiêm chứa sẵn thuốc (15 kim kèm theo)	300410323725	Bút tiêm	162.500	100	16.250.000
16	Izipas	Mỗi 5ml chứa: Terbutalin sulfat 1,5mg; Guaifenesin 66,5mg	(1,5mg; 66,5mg) /5ml	Uống	Dung dịch uống	Công ty Cổ phần S.P.M	Việt Nam	Hộp 30 gói x 5ml	893115044600 (VD-30731-18)	Gói	3.645	6.000	21.870.000
17	KIPEL FILM COATED TABS 10MG	Montelukast (dưới dạng natri montelukast)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Pharmathen S.A	Greece	Hộp 4 vỉ x 7 viên	520110526824	Viên	8.150	2.000	16.300.000
18	LIGABA 75	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	Pharmathen International S.A.	Greece	Hộp 2 vỉ x 14 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên	520110141623	Viên	2.835	15.000	42.525.000
19	Lorastad 10 Tab.	Loratadine	10mg	Uống	viên nén	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893100462624	Viên	850	1.500	1.275.000
20	Lorista 50	Losartan potassium	50mg	Uống	Viên nén bao phim	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Hộp 2 vỉ x 14 viên	383110010624 (VN-18882-15)	Viên	1.296	3.500	4.536.000
21	L-Stafloxin 500	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrate)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 7 viên; Hộp 2 vỉ x 7 viên; Hộp 8 vỉ x 7 viên	893115107223	Viên	3.000	8.000	24.000.000
22	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Hộp 3 vỉ x 10 viên	800110406323	Viên	983	5.000	4.915.000
23	Medrol	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Hộp 3 vỉ x 10 viên	800110991824	Viên	3.930	10.000	39.300.000
24	Misoprostol Stella 200 mcg	Misoprostol	200mcg	Uống	viên nén	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110037124	Viên	5.000	1.500	7.500.000
25	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9g/100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai nhựa 100ml	893110039623	Chai	4.163	5.000	20.815.000
26	Nifedipin T20 retard	Nifedipin	20mg	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110462724 (VD-24568-16)	Viên	600	10.000	6.000.000

27	Pavihepmin	L-Isoleucin + L-Leucin + L-Valin	952mg + 1904mg + 1144mg	Uống	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Nhà máy HDPHARMA EU – Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Hộp 20 gói	893110387825	Gói	22.000	1.000	22.000.000
28	Pracetam 800	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 15 viên	893110697724 (VD-18538-13)	Viên	1.225	50.000	61.250.000
29	Scanneuron-Forte	Vitamin B1 (Thiamine nitrate) 250mg; Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride) 250mg Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 1000mcg	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	Viên nén bao phim	Công Ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110861924 (VD-22013-14)	Viên	1.952	15.000	29.280.000
30	Sotstop	Ibuprofen	2g/100ml	Uống	Hỗn dịch uống	Cơ sở nhận nhượng quyền sản xuất (sản xuất và cân nguyên liệu D-sorbitol 70% solution; nước tinh khiết): Genuone Sciences Inc. (Cơ sở nhượng quyền sản xuất (cân dược chất, tá dược trừ D-sorbitol 70% solution; nước tinh khiết): Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd (Địa chỉ: 35-14, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea))	Korea	Hộp 1 lọ 100ml	880100432123	Lọ	63.600	2.000	127.200.000
31	Tanganil 500mg	Acetyl leucin	500mg	Uống	Viên nén	Pierre Fabre Medicament Production	France	Hộp 3 vỉ x 10 viên	300100036825	Viên	4.612	48.000	221.376.000

32	Trelegy Ellipta	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenatate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenatate)	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenatate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngậm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg	Hít qua miệng	Thuốc bột hít phân liều	Glaxo Operations UK Ltd (trading as Glaxo Wellcome Operations)	Anh	Hộp có 1 dụng cụ hít chứa 30 liều hít	500110439823	Hộp	1.068.900	100	106.890.000
33	UROKA	Dutasteride	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Hộp 3 vỉ x 10 viên	885110169700	Viên	7.990	3.000	23.970.000
34	Ventolin Nebules 2.5mg/2.5ml	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)	2,5mg/2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Dung dịch khí dung	Aspen Bad Oldesloe GmbH	Germany	Hộp 4 vỉ x 5 ống 2,5ml	400115965224	Ống	7.480	5.000	37.400.000
35	Ventolin Nebules 5mg/2.5ml	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfat)	5mg/2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Dung dịch khí dung	Aspen Bad Oldesloe GmbH	Germany	Hộp 4 vỉ x 5 ống 2,5ml	400115965324	Ống	11.781	2.000	23.562.000
36	Xigduo XR	Dapagliflozin + metformin hydroclorid	10mg + 1000mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	USA	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN3-216-19	Viên	21.470	2.800	60.116.000
37	Zaromax 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	uống	viên nén bao phim	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	hộp 3 vỉ x 10 viên	893110271323	viên	5.250	5.000	26.250.000

38	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Haupt Pharma Latina S.r.l	Italy	Hộp, 1 lọ 600mg/ 15ml	800110991624	Lọ	115.988	2.000	231.976.000
39	Zopistad 7.5	Zopiclone	7,5mg	uống	viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18856-13	viên	2.380	5.000	11.900.000
Tổng cộng													1.896.833.000